TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 152/2020/QĐST- HNGĐ	*K, ngày 13 tháng 08 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 163/2020/TLST– HNGĐ ngày 09/07/2020 về việc xin ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H- sinh năm 1994

Nguyên quán: Thôn B- xã Q- huyện Z- tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký HKTT: Thôn N- xã P- huyện K- tỉnh Hưng Yên. Hiện làm việc tại: Cửa hàng Viettel- ngã tư D thuộc thôn L- xã D- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990.

Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn N- xã P- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Cháu Nguyễn Phạm A, sinh ngày 19/07/20150. Nơi đăng ký HKTT: Thôn N- xã P- huyện K- tỉnh Hưng Yên. Hiện trú tại: thôn L- xã D- huyện K- tỉnh Hưng Yên. Người giám hộ cho cháu A là chị Phạm Thị H- mẹ đẻ của cháu.

- **Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho cháu A** là ông Nguyễn Thế Anh– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147– Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 08 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/08/2020 là hoàn T tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Phạm Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm A - sinh ngày 19/07/2015 cho chị Phạm Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi);

**** Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:*** Chị H và anh T đều không yêu cầu tòa án đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

2.2 Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình: Chị H và anh T đều khẳng định vợ chồng không có tài sản gì chung, không có công nợ chung, không liên quan gì về ruộng canh tác nông nghiệp, thời gian chung sống không đóng góp, xây dựng được gì cho hai bên gia đình nên đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Phạm Thị H tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được anh T nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0002289 ngày 06/07/2020, nên chị H được trả lại 150.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện K;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện K;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG